

**CÔNG TY TNHH THÂN TRƯỜNG PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THÂN TRƯỜNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAN TRUONG PHAT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH THÂN TRƯỜNG PHÁT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301031719

**3. Ngày thành lập:** 26/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 324/6, ấp 6, Xã Sơn Phú, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0913644584

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312                                                         |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662                                                         |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4100                                                         |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321                                                         |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322                                                         |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329                                                         |
| 7.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4390                                                         |
| 8.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330                                                         |
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4752                                                         |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế kết cấu công trình giao thông<br>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp<br>- Thiết kế kết cấu công trình thủy lợi<br>- Thẩm tra công trình giao thông<br>- Thẩm tra công trình dân dụng và công nghiệp<br>- Thẩm tra công trình thủy lợi<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước)<br>- Định giá công trình hạng 2 | 7110                                                         |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663(Chính)                                                  |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4210                                                         |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4290                                                         |
| 14. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311                                                         |
| 15. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN THÂN      | Ấp 10, Xã Hưng Lễ, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                          | 2.000.000.000         | 66,670    | 320773380                                                                                                                                         |         |
| 2   | PHẠM THỊ KIM CHUNG | Ấp 10, Xã Hưng Lễ, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam                          | 1.000.000.000         | 33,330    | 320804234                                                                                                                                         |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN THÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 320773380

Ngày cấp: 10/02/2009

Nơi cấp: Công an Bến Tre

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 10, Xã Hưng Lễ, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp 10, Xã Hưng Lễ, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre